

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THỂ HỆ MỚI: KHOẢNG TRỐNG THỰC THI CHÍNH SÁCH VỀ TIÊU CHUẨN VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Nguyễn Quỳnh Anh¹, Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang, Phạm Văn Hồng
Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ

Nguyễn Thị Bích Phương
Học viện Chính sách và Phát triển

Tóm tắt:

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) là hai Hiệp định tự do thể hệ mới với đặc trưng là các cam kết sâu rộng về tự do thương mại, khác với các hiệp định thương mại truyền thống trước đây mà Việt Nam đã tham gia. Để triển khai hai Hiệp định này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06/08/2020 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Hai Quyết định này đã đặt ra nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến tiêu chuẩn do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện, đặc biệt là trách nhiệm điều phối quá trình xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đánh giá sự phù hợp. Bài viết tổng hợp, phân tích các yêu cầu đặt ra về tiêu chuẩn trong hai Hiệp định CPTPP và EVFTA, đồng thời, tham chiếu đến các chính sách tương ứng của Việt Nam nhằm tìm ra các khoảng trống trong ban hành và thực thi chính sách liên quan đến tiêu chuẩn cũng như đề xuất, gợi ý các giải pháp nhằm cải thiện các khoảng trống chính sách, tạo thuận lợi cho việc hài hòa hóa tiêu chuẩn của Việt Nam và thế giới.

Từ khóa: Hiệp định tự do thương mại; CPTPP; EVFTA; Khung chính sách; Minh bạch hóa; Đánh giá sự phù hợp.

Mã số: 20122001

MEETING THE REQUIREMENTS OF THE MEGA FREE TRADE AGREEMENT ON STANDARDIZATION: GAPS ON POLICY IMPLEMENTATION

Abstract:

The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) and the Free Trade Agreement between Vietnam and the European Union (EVFTA) are two new generation free trade agreements which are setting a high standard and being comprehensive for global trade. In terms of trade freedom, they differ from the traditional

¹ Liên hệ tác giả: quynh.anh.nistpass@gmail.com

trade agreements that Vietnam has ratified. To carry out these two Agreements, the Vietnam's Government issued Decision No. 121 / QĐ-TTg, dated 24th January 2019, to approve the implementation plan of the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) and Decision No. 1201 / QĐ-TTg, dated 6th August 2020 to approve the implementation plan of the Free Trade Agreement between Vietnam and the European Union (EVFTA). These two decisions set out revising institutions and policies related to standardization, focusing on coordinating responsibility for standards development and conformity assessment to match these two free trade agreements' requirements. The article first analyzes the CPTPP and EVFTA's requirements for standardization, then refers to the respective policies of Vietnam to find the gaps in developing and implementing policies related to standards. In addition, the recommendations to improve policy gaps and to ease the harmonization of standards between the international and Vietnam are proposed.

Keywords: Free Trade Agreement (FTA); CPTPP; EVFTA; Policy Framework; Transparency; Conformity Assessment; Vietnam.

1. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Yêu cầu khung chính sách về tiêu chuẩn

Việt Nam đã tham gia đàm phán 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó, 10 hiệp định đã có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 3 hiệp định đã ký kết hoặc kết thúc đàm phán nhưng chưa có hiệu lực, 4 hiệp định đang đàm phán. Trong số các hiệp định mà Việt Nam tham gia, có những hiệp định có phạm vi và tính chất cam kết sâu rộng và toàn diện gọi là “Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Tiêu biểu nhất trong số đó là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA).

Khi tham gia vào hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới này, Việt Nam cần phải tuân thủ và thỏa mãn các yêu cầu đặt ra liên quan đến nhiều vấn đề như mở cửa thị trường, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, phát triển bền vững,... Trong đó, các yêu cầu đặt ra về tiêu chuẩn được quy định cụ thể trong nội dung về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại và sẽ được phân tích cụ thể dưới đây.

1.1. Các yêu cầu về khung chính sách liên quan đến tiêu chuẩn của Hiệp định CPTPP

CPTPP bao gồm 11 thành viên là: Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam. Hiệp định CPTPP bao trùm từ các vấn đề thương mại truyền thống (hàng hóa, dịch vụ,...), đến các vấn đề thương mại chưa hoặc ít được đề cập trong các FTA khác (mua sắm công, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhà nước,...),

và cả các vấn đề phi thương mại khác (lao động, môi trường,...)². Trong 30 chương của Hiệp định CPTPP, các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng được quy định tại Chương 8. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc trong Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của WTO (sau đây gọi tắt là Hiệp định TBT/WTO) (ví dụ: các tiêu chuẩn kỹ thuật phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử,...) và bổ sung thêm một số cam kết riêng (ví dụ: về thời gian lấy ý kiến tối thiểu, về độ trễ hợp lý giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực thi hành của tiêu chuẩn kỹ thuật mới,...). Mục tiêu của Chương này là tạo thuận lợi thương mại, như hạn chế những rào cản kỹ thuật thương mại không cần thiết, tăng cường tính minh bạch, thúc đẩy hợp tác pháp lý và thực hành quản lý tốt³. Đối với Việt Nam, Hiệp định CPTPP có hiệu lực từ ngày 14/01/2019.

1.2. Các yêu cầu về khung chính sách liên quan đến tiêu chuẩn của Hiệp định EVFTA

Hiệp định EVFTA là một hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời, phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hiệp định EVFTA bao gồm các chương liên quan tới cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý và thể chế. Ngày 12/2/2020, Nghị viện Châu Âu (EP) đã bỏ phiếu thông qua Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) (Hiệp định EVFTA). Trong 17 Chương của Hiệp định EVFTA, các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng được quy định ở Chương 5. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, nhấn mạnh nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc về rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO, đồng thời, có thêm một số cam kết mới nhằm tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu các rào cản không cần thiết trong giao lưu thương mại.

Bộ Khoa học và Công nghệ với chức năng xây dựng các chính sách, giải pháp về tiêu chuẩn cũng như việc hoàn thiện và cải thiện chính sách có liên quan để tạo thuận lợi thương mại, hạn chế những rào cản kỹ thuật không cần thiết, tăng cường tính minh bạch, thúc đẩy hợp tác pháp lý và thực hành quản lý tốt. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá xem có những khoảng trống chính sách nào giữa những yêu cầu về tiêu chuẩn của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA với các chính sách hiện hành của Việt

² Tom luoc CPTPP - Van kien.pdf (trungtamwto.vn): <<http://www.trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ke/175-cptpp-tp11/177-noi-dung-hiep-dinh/Tom%20luoc%20CPTPP%20-%20Van%20kien.pdf>>

³ TTWTO VCCI - (FTA) Văn kiện Hiệp định CPTPP và các Tóm tắt (trungtamwto.vn): <<https://trungtamwto.vn/chuyen-de/10835-van-kien-hiep-dinh-cptpp>>

Nam và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện khung chính sách liên quan đến tiêu chuẩn của Việt Nam.

1.3. Các yêu cầu chung về tiêu chuẩn giữa hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP và EVFTA

Khi các hàng rào thuế quan dần được xóa bỏ, các hàng rào phi thuế quan, điển hình như các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, sẽ được các quốc gia thành viên áp dụng ngày càng nhiều và phức tạp hơn nhằm bảo vệ hàng hóa trong nước. Do khó có thể đo lường và tính toán định lượng để xác định thiệt hại về mặt kinh tế, các nước tham gia đều chú trọng đưa các cam kết về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại cùng với cam kết khác vào khung đàm phán hiệp định nhằm đảm bảo khi thuế quan được xóa bỏ dần, các hàng rào phi thuế quan không được đưa ra một cách không cần thiết để gây cản trở thương mại, bất bình đẳng và phân biệt đối xử. Không chỉ vậy, các nước thành viên nói chung và Việt Nam nói riêng khi đàm phán về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại cũng luôn chú ý đến vai trò và khả năng ứng phó của doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động trực tiếp khi thực hiện cam kết trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do.

Bảng 1 dưới đây là tổng hợp so sánh những quy định của hai Hiệp định EVFTA và Hiệp định CPTPP liên quan đến những nội dung về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại nói trên.

Bảng 1. Tổng hợp quy định liên quan đến hàng rào kỹ thuật đối với thương mại ở hai Hiệp định EVFTA và CPTPP

Nội dung	Những nội dung chung của 2 Hiệp định	Những cam kết riêng của mỗi Hiệp định	
		EVFTA	CPTPP
Sự tham gia của các bên liên quan trong xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật	- Hai Hiệp định không có quy định riêng về điều khoản này, nhưng đều có đề cập ở các quy định liên quan đến minh bạch hóa.	- Khoản b, Điều 5.7 có yêu cầu về việc đảm bảo các chủ thể kinh tế và những người quan tâm khác của các nước được đối xử công bằng trong việc tham gia vào các tham vấn công khai liên quan đến quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.	- Khoản 1, Điều 8.7 quy định về việc đảm bảo các tổ chức, cá nhân của các nước được đối xử công bằng khi tham gia vào quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp của các nước thành viên.
Thông tin về các biện pháp/rào cản kỹ thuật	- Khẳng định lại về việc tuân thủ các nguyên tắc khung về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại theo Hiệp định TBT/WTO. - Khẳng định vai trò của tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc xoá bỏ rào cản không cần thiết đối với thương mại, trong đó đều coi Quyết định mà Ủy ban WTO/TBT ban hành về các nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn quốc tế là căn cứ để xác định một tiêu chuẩn thế nào là một tiêu chuẩn quốc tế.	- Điều 5.1, 5.4, 5.5 khẳng định quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tuân thủ các cam kết khung của Hiệp định TBT/WTO. - Điều 5.4 quy định quy chuẩn kỹ thuật phải được xây dựng căn cứ trên tiêu chuẩn quốc tế như tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) và Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex (CAC). Các quốc gia phải giải thích lý do vì sao tiêu chuẩn quốc tế đó được coi là không phù hợp hoặc không chấp nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật. - Điều 5.5 bổ sung quy định lấy tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng để xem xét việc hài hoà hóa tiêu chuẩn.	- Điều 8.4 về tích hợp các điều khoản cụ thể của Hiệp định TBT khẳng định việc tích hợp các điều khoản của Hiệp định TBT/WTO về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp. - Không có điều khoản riêng về quy chuẩn kỹ thuật, chỉ quy định những nghĩa vụ liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật ở các điều khoản khác nhau. - Điều 8.5 về tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế thừa nhận vai trò và khẳng định việc tuân thủ quy định của Hiệp định TBT/WTO (Điều 2.4, 5.4 và Phụ lục 3) về tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế.
Đánh giá sự phù hợp để tạo thuận lợi thương	- Khẳng định lại về việc tuân thủ quy định về không phân biệt đối xử và	- Khoản 6, Điều 5.6 nhấn mạnh nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Điều 5.2.5	- Khoản 15, 16, Điều 8.6 khẳng định lại quy định về phí đánh giá sự phù hợp theo

Nội dung	Những nội dung chung của 2 Hiệp định	Những cam kết riêng của mỗi Hiệp định	
		EVFTA	CPTPP
mại	<p>thừa nhận lẫn nhau trong quá trình đánh giá sự phù hợp được quy định trong các điều khoản của Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>- Hai Hiệp định đều yêu cầu nếu từ chối chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp phải giải thích lý do cụ thể về việc từ chối.</p>	<p>Hiệp định TBT/WTO trong việc áp dụng các loại phí về đánh giá sự phù hợp sản phẩm trong nước với nước ngoài và với nước thứ ba.</p> <p>- Hiệp định EVFTA chủ yếu tập trung quy định các cơ chế giúp thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp như việc căn cứ vào công bố phù hợp, thực hiện các thoả thuận tự nguyện giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp...</p>	<p>Điều 5.2.5 của Hiệp định TBT/WTO, nhưng cụ thể hơn về việc phí đánh giá sự phù hợp phải được tính toán dựa trên chi phí xấp xỉ của dịch vụ và yêu cầu nước thành viên không được bắt doanh nghiệp phải hợp pháp hoá lãnh sự hồ sơ đánh giá sự phù hợp và nộp các loại phí liên quan.</p> <p>- Hiệp định CPTPP yêu cầu không phân biệt đối xử giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của nước thành viên CPTPP.</p>
Tính minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đánh giá sự phù hợp	<p>- Khẳng định lại về tầm quan trọng và nghĩa vụ tuân thủ quy trình về minh bạch hóa của các bên theo các quy định trong Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>- Quy định cụ thể về nghĩa vụ công bố các bản dự thảo và văn bản chính thức liên quan trên các kênh thông tin công khai, dành thời gian là 60 ngày (và có thể gia hạn thêm) cho việc góp ý, trả lời góp ý, cung cấp thông tin liên quan đến hiệu lực thi hành (khoản d, Điều 5.7 của Hiệp định EVFTA và Khoản 14, Điều 8.7 của Hiệp định CPTPP).</p>	<p>- Điều 5.7 thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp và khẳng định nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc của Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>- Điều 5.5 yêu cầu khi tiêu chuẩn được áp dụng như quy chuẩn kỹ thuật hoặc được sử dụng trong quy trình đánh giá sự phù hợp sẽ phải thực hiện minh bạch hoá.</p>	<p>- Điều 8.7 khẳng định nghĩa vụ của các bên trong tuân thủ các quy định về minh bạch hóa của Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>- Khoản 4, Điều 8.7 quy định công bố tất cả dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo bản sửa đổi bổ sung, văn bản đã ban hành của các dự thảo này theo yêu cầu thông báo của Hiệp định TBT/WTO hoặc trên trang công báo hoặc website chính thức riêng.</p> <p>- Điều 8.8 quy định thời gian phù hợp giữa thời gian ban hành và thời gian có hiệu lực của tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật là không ít hơn 6 tháng.</p>

Nguồn: Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Tôn Nữ Thục Uyên (2020) và tổng hợp của các tác giả.

Dựa trên nội dung tổng kết tại Bảng 1, mặc dù khẳng định việc tuân thủ những cam kết khung của Hiệp định TBT/WTO, một số cam kết liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng trong hai Hiệp định EVFTA và CPTPP được quy định một cách cụ thể, chặt chẽ và chi tiết hơn. Việc rà soát, tổng hợp các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn được quy định trong Hai hiệp định CPTPP và EVFTA cho thấy có 4 vấn đề chung như sau:

- Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tin về các biện pháp/rào cản kỹ thuật;
- Đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại;
- Tính minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đánh giá sự phù hợp.

Bốn vấn đề trên sẽ được dùng như khung nghiên cứu để rà soát chính sách hành nhằm xác định sự tương thích giữa yêu cầu của Hai hiệp định CPTPP và EVFTA và các chính sách sẵn có của Việt Nam trong phần tiếp theo.

2. Các chính sách về tiêu chuẩn của Việt Nam

Khi thực hiện cam kết gia nhập các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới, Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định khung đã được thỏa thuận trong quá trình đàm phán gia nhập Hiệp định giữa các nước thành viên. Điều đó yêu cầu Việt Nam với tư cách là một nước thành viên phải đánh giá xem xét nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách. Việc xem xét các chính sách của Việt Nam liên quan đến tiêu chuẩn nhằm đáp ứng các yêu cầu của hai Hiệp định CPTPP và EVFTA được rà soát theo Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/06/2015, Điều 4 đã quy định cấp bậc của 15 loại văn bản quy phạm pháp luật các cấp, từ Hiến pháp đến các văn bản quy phạm pháp luật cấp xã. Liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn nhằm đáp ứng yêu cầu tham gia các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan của Việt Nam gồm có luật và các văn bản dưới luật, theo cấp bậc từ nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các thông tư liên quan. Chỉ những văn bản do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo và quản lý việc thực thi mới được đưa vào rà soát, xem xét. Bảng 2 dưới đây là tổng hợp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan đến những nội dung đã đề cập trong phần 1.3.

Bảng 2. Tổng hợp các quy định của Việt Nam trong việc đáp ứng yêu cầu của các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại

Vấn đề	Luật	Nghị định của Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Thông tư
Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật	1 - Luật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006 về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi là Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật): Điều 15, 16, 31, 37.	1 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP, ngày 01/08/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Hết hiệu lực: Điều 5, Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 23). 2 - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ.		1 - Thông tư số 09/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật: Mục III, IV. 2 - Thông tư số 08/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn: Mục II, III.
Thông tin về các biện pháp/rào cản kỹ thuật	1 - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: Điều 12, 13, 20, 26, 28.			1 - Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN ngày 29/11/2018 quy định hoạt động, phối hợp trong mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại: Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9.
Đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại	1 - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: các Điều từ 40 – 57. 2 - Luật số 35/2018/QH14, ngày 20/11/2018, sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy			1 - Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau trong đánh giá sự phù hợp. 2 - Thông tư số 13/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn về yêu cầu,

Vấn đề	Luật	Nghị định của Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Thông tư
	hoạch: Khoản 1, Điều 17.			trình tự, thủ tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp. 3 - Thông tư số 12/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp. 4 - Thông tư số 05/VBHN-BKHCN ngày 28/08/2017 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
Minh bạch hóa đáp ứng yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	1 - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: Điều 17, 21, 22, 32, 33, 34, 35, 36.	1 - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: Khoản 3, Điều 1.	1 - Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại. (Hết hiệu lực Chương 4, và Điều 14 Chương 5): Điều 4, 5, 6, 7, 12.	1 - Thông tư số 08/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn: Khoản 3, 4, 7 (Mục II). 2 - Thông tư số 09/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật: Mục III, VII. 3 - Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN ngày 29/11/2018 quy định hoạt động, phối hợp trong mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại: Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 16, 17, 18.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ các văn bản liên quan

3. Khoảng trống về ban hành và thực thi chính sách liên quan đến tiêu chuẩn của Việt Nam đáp ứng yêu cầu của hai Hiệp định CPTPP và EVFTA và đề xuất giải pháp

3.1. Khoảng trống về ban hành chính sách và đề xuất giải pháp

Việc thực hiện rà soát sự tương thích của các văn bản chính sách và quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam với những cam kết trong hai Hiệp định CPTPP và EVFTA theo 05 nội dung về (i) sự tham gia của DNNVV trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; (ii) thông tin về các biện pháp, rào cản kỹ thuật; (iii) đánh giá sự phù hợp tại thuận lợi thương mại; (iv) minh bạch hóa đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP và EVFTA; và (v) phát triển bền vững đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP và EVFTA cho thấy hai vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, phần lớn các chính sách về tiêu chuẩn và chất lượng của Việt Nam đã tương thích với đa số các cam kết được quy định trong hai Hiệp định CPTPP và EVFTA. Điều này được giải thích vì trên thực tế, những cam kết của CPTPP và EVFTA về tiêu chuẩn và chất lượng mặc dù chi tiết và cụ thể hơn, nhưng đều được đưa ra dựa trên nền tảng những cam kết khung của Hiệp định TBT/WTO. Khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO vào năm 2007, Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ phải tuân thủ và thực thi đầy đủ các quy định khung đưa ra bởi WTO, trong đó có Hiệp định TBT/WTO. Vì vậy, trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, trừ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được ban hành 2006, phần lớn các quy định pháp luật ở cấp Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ đều đã được từng bước rà soát và sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế.

Thứ hai, kết quả rà soát cũng cho thấy các chính sách, quy định của Việt Nam chưa tương thích một phần đối với các cam kết về 03 vấn đề liên quan đến sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; quy trình đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại; và minh bạch hóa. Những cam kết này chỉ là những khác biệt nhỏ, mang tính chi tiết hơn, đầy đủ hơn pháp luật Việt Nam về cùng vấn đề vì Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã quy định tại Điều 2 về Đối tượng áp dụng: “*Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam*”. Các yêu cầu khác biệt cụ thể như sau:

Sự tham gia của doanh nghiệp nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Khoản b, Điều 5.7 của EVFTA và Khoản 1, Điều 8.7 của CPTPP đều có quy định về việc mỗi Bên phải cho phép tổ chức và cá nhân của Bên khác tham gia vào quá trình xây dựng quy chuẩn

kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp của các cơ quan chính phủ với những điều kiện không kém thuận lợi hơn những điều kiện mà họ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân của chính nước mình. Văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam cũng đã yêu cầu về công khai lấy ý kiến dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định rõ về quyền của tổ chức, cá nhân trong việc tham gia quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định trên với các đối tượng là cá nhân, tổ chức nước ngoài.

Khoản 2 và Khoản 9, Điều 8.6 của Hiệp định CPTPP yêu cầu một nước thành viên không phân biệt đối xử giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước thành viên khác, dù các tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước thành viên khác không có văn phòng đại diện trên lãnh thổ của nước thành viên đó. Tương tự như trên, Việt Nam cũng chưa có các hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ này.

3.2. Khoảng trống về thực thi chính sách và đề xuất giải pháp

3.2.1. Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật

Mặc dù chính sách về tiêu chuẩn đã quy định rõ về quyền của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, cũng như việc tham gia của doanh nghiệp trong Ban Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Điều 15, 16, 31, 37), nhưng trên thực tế, việc tham gia của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn còn rất mờ nhạt. Có rất ít doanh nghiệp tham gia vào Ban Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, chủ động đề xuất xây dựng TCVN, tham gia vào quá trình xây dựng TCVN và tiêu chuẩn quốc tế. Nguyên nhân là: (i) do nhận thức của các doanh nghiệp về vai trò của tiêu chuẩn hóa trong việc nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả hoạt động (bao gồm cả tiết kiệm, chi phí, nguyên vật liệu,...) và mở rộng thị trường xuất khẩu còn rất nhiều hạn chế (*Anh Thu, 2020*); (ii) việc thực thi các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vấn đề này còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Một nghiên cứu của Cơ quan Tiêu chuẩn Pháp (AFNOR) đã chỉ ra rằng, theo thời gian, tiêu chuẩn hóa đóng góp khoảng 25% tăng trưởng GDP của nền kinh tế Pháp. Khảo sát 1.790 công ty và tổ chức cho thấy khoảng 69,3% doanh nghiệp nhỏ và vừa nhận thấy đóng góp tích cực của tiêu chuẩn hóa vào việc tạo ra lợi nhuận và nâng cao giá trị của công ty. Ngoài ra, 71,2% doanh nghiệp báo cáo rằng việc tham gia vào quá trình tiêu chuẩn hóa cho phép họ dự đoán các yêu cầu thị trường trong tương lai trong lĩnh vực cụ thể của họ (*Miotti, 2009*).

Giải pháp đề xuất: Để giảm và loại trừ hai nguyên nhân kể trên, các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất

lượng, cần tăng cường xã hội hóa công tác tiêu chuẩn. Hiện nay, ngân sách nhà nước chiếm 95% trong việc xây dựng tiêu chuẩn, vì vậy, việc xã hội hóa công tác tiêu chuẩn cũng sẽ giúp huy động nguồn lực về tài chính từ khu vực kinh tế tư nhân (*Anh Thu, 2020*). Thêm vào đó, công tác tuyên truyền về lợi ích của tiêu chuẩn cần được thực hiện thường xuyên hơn, phổ cập đến tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Thông tin về các biện pháp/rào cản kỹ thuật

Việc các nước đặt ra rào cản kỹ thuật rất khắt khe để thay thế các rào cản thuế quan ngày càng giảm là thách thức lớn đối với xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi thuế quan có mục tiêu chính sách, cách thức thực hiện tương đối rõ ràng và đơn giản, mục tiêu thực hiện của các rào cản phi thuế quan lại khá trừu tượng, vì vậy, các nước (đặc biệt các nước phát triển, các nước có kinh nghiệm trong các vụ tranh chấp thương mại) có thể tận dụng để gây khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Theo thống kê năm 2019, hàng xuất khẩu của Việt Nam chịu tác động của 44.408 rào cản phi thuế quan, chiếm 72% tổng số hơn 67.780 rào cản phi thuế quan của thế giới. Trong đó, có 54% là các rào cản kỹ thuật đối với thương mại, 27% thuộc biện pháp kiểm dịch động, thực vật,... (*Nguyễn Bích Thủy, 2020*).

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật sẽ có thể gây thiệt hại kinh tế cho các doanh nghiệp, như ví dụ liên quan đến tiêu chuẩn của EC đối với hàm lượng độc tố nấm Aflatoxin⁴ trong ngũ cốc và các loại hạt. Theo Wilson và Otsuki (2003), năm 1997, với lý do bảo vệ sức khỏe người dân, EC đã giảm hàm lượng này xuống mức 4ppb⁵ (riêng B1 là 2ppb), trong khi tiêu chuẩn của CODEX⁶ là 9ppb. Theo tính toán, việc thắt chặt tiêu chuẩn này của EC có thể làm giảm xuất khẩu ngũ cốc và hạt toàn cầu khoảng 3,1 tỷ USD, trong khi nếu các nước nhập khẩu vẫn áp dụng tiêu chuẩn của CODEX, thì xuất khẩu toàn cầu mặt hàng này có thể tăng đến 38,8 tỷ USD. Có thể thấy, khi áp dụng bắt buộc một tiêu chuẩn sẽ không chỉ làm giảm khả năng xuất khẩu mà còn có thể làm mất đi cơ hội xuất khẩu vì năng lực sản xuất không thể đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu đặt ra. Điều này hoàn toàn có thể xảy ra với Việt Nam khi năng lực sản xuất của các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng hệ thống cảnh báo và ứng phó với hàng rào kỹ thuật trong thương mại một cách hiệu quả.

Các nước tích cực trong xây dựng hệ thống cảnh báo và ứng phó với hàng rào kỹ thuật đối với thương mại như EU, Nhật Bản, Mexico, Trung Quốc, Hàn Quốc, Braxin,... thường xuyên nêu quan ngại tại Diễn đàn của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của WTO. Để đối phó với hàng rào kỹ thuật của nước ngoài, Hàn Quốc mới đây đã hình thành Liên minh TBT

⁴ Hoạt chất có thể gây ung thư cho người, trong đó, B1 là nguy hiểm nhất.

⁵ Phần ti

⁶ CODEX - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Thực phẩm Quốc tế.

(TBT Consortium). Liên minh này liên kết 19 hiệp hội chuyên ngành, 3 viện nghiên cứu thử nghiệm và 5 tổ chức nghiên cứu, xúc tiến thương mại và đầu tư. Tổ chức Xúc tiến Thương mại và Đầu tư của Hàn Quốc (KOTRA) làm tốt vai trò phát hiện các quy định kỹ thuật tại các thị trường trọng điểm. Các hàng rào kỹ thuật của nước ngoài ảnh hưởng tới thương mại của Hàn Quốc được đánh giá phân tích sâu và tìm các biện pháp đối phó. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa được Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ thông qua các dự án, tối đa 200.000 USD/1 dự án để nâng cao năng lực đối phó. Các quan ngại thương mại của Hàn Quốc được dàn xếp trong WTO chiếm khoảng 40% (trong 3 năm 2014-2016) và số còn lại được tiếp tục tham vấn song phương trực tiếp với tỷ lệ giải quyết đạt trên 80%. Điều này giúp cho việc xuất khẩu của Hàn Quốc được thuận lợi do không gặp phải những rào cản phát sinh bởi quy định mới của thị trường xuất khẩu (*Lê Quốc Bảo, 2018*).

Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động phối hợp của mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg và Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN). Mặc dù vậy, việc hạn chế tác động tiêu cực của hàng rào kỹ thuật của nước ngoài chưa được tổ chức tốt và hoạt động hiệu quả. Kể từ khi gia nhập WTO, số lần nêu quan ngại của Việt Nam đối với hàng rào kỹ thuật của các thành viên WTO khác là rất ít, cũng như việc tham gia với tư cách là quan sát viên trong các tranh chấp về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại tại WTO là rất hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu do chưa nhận thức đầy đủ về ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, còn quá dè dặt trong việc nêu quan ngại, chưa có cơ chế hữu hiệu và chưa huy động đầy đủ các nguồn lực để có thể đối phó với các tác động tiêu cực từ hàng rào kỹ thuật một cách hiệu quả⁷.

Giải pháp đề xuất: Để hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp và hạn chế tác động tiêu cực của hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống đối phó “nhạy hơn”. Điều này trước tiên cần bắt đầu với việc tăng cường vai trò và tính chủ động của Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam) trong việc nêu các quan ngại và tham gia với tư cách quan sát viên tại các cuộc họp của WTO. Để làm được điều này, việc phối hợp liên ngành là rất quan trọng. Cụ thể hơn là việc phối hợp với hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để phát hiện kịp thời các quy định kỹ thuật của các nước có khả năng cản trở thương mại của Việt Nam. Do đó, hệ thống thương vụ cũng cần phải tích cực hơn trong việc thông báo kịp thời các quy định kỹ thuật cho các bên liên quan. Ngoài ra, để có bằng chứng khoa học xác đáng và

⁷ Bàn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và một số công việc để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật (tapchicongthuong.vn): <<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-va-mot-so-cong-viec-de-han-che-anh-huong-tieu-cuc-cua-hang-rao-ky-thuat-52099.htm>>

mạnh mẽ, Ban liên ngành TBT cần tham vấn chuyên môn nhiều hơn từ các hiệp hội chuyên ngành; các viện, trung tâm thử nghiệm, nghiên cứu chuyên ngành để định lượng được ảnh hưởng của các biện pháp kỹ thuật được áp dụng, phát hiện các điểm bất hợp lý trong các biện pháp kỹ thuật của các nước khác làm căn cứ cho việc nêu quan ngại tại WTO.

3.2.2. Đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại

Theo Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại có nghĩa là: Hai bên thừa nhận rằng hiện tại có nhiều cơ chế tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của bên kia, gồm: (i) các thỏa thuận về thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật cụ thể được thực hiện bởi các tổ chức nằm trên lãnh thổ của bên kia; (ii) các thỏa thuận tự nguyện giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm trên lãnh thổ của hai bên; và (iii) sử dụng các hiệp định và các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau đa phương quốc tế và khu vực mà hai bên là thành viên (khoản 3, Điều 5.6 thuộc Chương 5 của Hiệp định EVFTA và khoản 1 và khoản 2, Điều 8.6, Chương 8 của Hiệp định CPTPP).

Đánh giá sự phù hợp của hàng hóa theo một tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nào đó có nghĩa là chứng minh chất lượng sản phẩm/hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước nhập khẩu và giúp tăng lòng tin của khách hàng trong nước với cam kết hàng hóa đạt chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Theo Hiệp định TBT/WTO, các “rào cản kỹ thuật đối với thương mại” không chỉ là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu mà còn là các quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Trước tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng như hiện nay, vấn đề được đặt ra là hoạt động đánh giá sự phù hợp của các tổ chức Việt Nam phải được quốc tế công nhận hoặc thừa nhận, đáp ứng yêu cầu: “Một lần đánh giá, cấp một chứng chỉ, có giá trị ở mọi nơi”. Để có thể làm được điều đó, các doanh nghiệp cần tìm tới các tổ chức đánh giá sự phù hợp (phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận) được công nhận bởi một tổ chức công nhận có uy tín trên thế giới và tham gia các thỏa ước thừa nhận quốc tế. Nếu một tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận bởi các tổ chức công nhận có tham gia thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với nhiều tổ chức, chứng nhận của tổ chức đó sẽ có dấu thừa nhận và logo được chấp nhận trên toàn cầu, giúp doanh nghiệp được cấp chứng nhận vượt qua các hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu.

Song song với thừa nhận quy trình đánh giá sự phù hợp, hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cũng cần hài hòa hóa để đạt trình độ tương đương thế giới. Hiện nay, mặc dù hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam đã

dần được nâng cao về mức độ hài hòa với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế, nhưng vẫn còn có một số bất cập. *Thứ nhất*, phần lớn các tiêu chuẩn, quy chuẩn này được biên soạn từ lâu, chỉ có một phần nhỏ được thực hiện theo lộ trình rà soát theo chu kỳ 5 năm. *Thứ hai*, một số nội dung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa phù hợp, chưa thể áp dụng trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật hiện tại, nội dung giữa các văn bản còn có sự chồng chéo, mâu thuẫn. *Thứ ba*, nội dung quy chuẩn, tiêu chuẩn lúc thì chung chung, lúc lại quá chi tiết nên khó áp dụng. Một số nội dung quy định thiên về quản lý hành chính, chưa đúng với yêu cầu quản lý chất lượng, kỹ thuật và thiếu tính khả thi⁸.

Hiện tại, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia có khoảng 13.000 tiêu chuẩn với tỷ lệ 60% hài hòa với khu vực và quốc tế, do 13 bộ quản lý chuyên ngành xây dựng⁹. Để thu hẹp khoảng cách về tỷ lệ hài hòa giữa hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam với quốc tế, Việt Nam cần xã hội hóa quá trình tiêu chuẩn hóa, từ công đoạn lập kế hoạch 5 năm, hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, cho đến soạn thảo tiêu chuẩn, công bố và ban hành tiêu chuẩn. Trong đó, cần đẩy mạnh vai trò của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và thực thi tiêu chuẩn.

Giải pháp đề xuất: Để tăng cường việc “Một lần đánh giá, cấp một chứng chỉ, có giá trị ở mọi nơi”, các tổ chức đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam cần tăng cường ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau để đạt được các thỏa thuận dựa trên sự tương đương hoặc phù hợp giữa các quy định, tiêu chuẩn và thủ tục. Tuy nhiên, để đạt được thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, các tổ chức đánh giá sự phù hợp cũng cần nâng cao năng lực kỹ thuật của mình tương đương với trình độ khu vực và quốc tế.

Về phía các cơ quan quản lý nhà nước, cần rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia để tăng tỉ lệ hài hòa hóa tiêu chuẩn với quốc tế và khu vực. Đồng thời, tăng cường tham gia vào hoạt động của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu, phát triển những mối quan hệ song phương với tổ chức tiêu chuẩn nước ngoài khác... Để làm được điều này và để không thua trên sân nhà, cần xem xét hình thành một cơ chế và hệ thống cơ quan, tổ chức chuyên nghiệp thực hiện việc đánh giá tác động quản lý (Regulatory Impact Assessment/Analysis - RIA) đối với các biện pháp rào cản kỹ thuật ở trong nước. Về cơ bản, chi phí để hình thành và vận hành hệ thống này sẽ thấp hơn nhiều so với các tổn thất mà các biện pháp rào cản kỹ thuật có thể gây ra cho thương mại của Việt Nam (*Lê Quốc Bảo, 2018*).

Minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và đánh giá sự phù hợp

⁸ Hàng rào kỹ thuật trong thương mại: Một số thách thức và giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam - Chào mừng đến với Công thông tin điện tử Xúc tiến đầu tư phía Nam (ipcs.vn): <<http://www.ipcs.vn/vn/hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-mot-so-thach-thuc-va-giai-phap-cho-doanh-nghiep-viet-nam-W1524.htm>>

⁹ 60% tiêu chuẩn của Việt Nam hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, khu vực (most.gov.vn):<<https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/18518/60--tieu-chuan-cua-viet-nam-hai-hoa-tieu-chuan-quoc-te--khu-vuc.aspx>>

Vấn đề minh bạch hóa liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn và đánh giá sự phù hợp được quy định cụ thể tại Điều 5.7 của Hiệp định EVFTA và Điều 8.7 của Hiệp định CPTPP. Chính sách của Việt Nam về vấn đề này được quy định xuyên suốt từ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 78/2018/NĐ-CP và các Thông tư (Thông tư số 08/VBHN-BKHCN năm 2015; Thông tư số 09/VBHN-BKHCN năm 2015).

Công khai, minh bạch hóa về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại là một trong những nguyên tắc quan trọng để tham gia vào thương mại quốc tế một cách bình đẳng và chủ động. Vấn đề đặt ra là cần nâng cao năng lực thực thi các yêu cầu và hoàn thiện cơ chế minh bạch hóa đã cam kết. Mức độ minh bạch hóa càng cao càng tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp thực hiện thông suốt và hiệu quả. Các yêu cầu cao về minh bạch hóa trước mắt có thể tạo thuận lợi cho các nước phát triển, những nước vốn có hạ tầng pháp lý và kỹ thuật chắc chắn đủ điều kiện thực hiện các yêu cầu cao về minh bạch hóa. Tuy nhiên, về lâu dài, các nước đang phát triển như Việt Nam cũng sẽ đạt được lợi ích thông qua việc nắm bắt chính sách kỹ thuật của các nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sớm tiếp cận thông tin khi xuất khẩu hàng hóa, sản phẩm. Đây cũng là động lực buộc các cơ quan quản lý nhà nước liên quan cần khẩn trương rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp lý cũng như quy trình xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp.

Mặc dù vậy, các doanh nghiệp của Việt Nam hiện vẫn còn chưa nhận thức được đầy đủ về các biện pháp rào cản kỹ thuật do còn thiếu thông tin. Doanh nghiệp Việt Nam rất khó khăn trong việc cập nhật thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm hàng hóa của nước đối tác cùng với các thủ tục hành chính liên quan. Vì vậy, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước (cụ thể ở đây là Văn phòng TBT và Mạng lưới TBT Việt Nam) với các doanh nghiệp xuất khẩu để giải quyết vấn đề này.

Giải pháp đề xuất: Để nâng cao nghĩa vụ thực thi và cơ chế minh bạch hóa, các cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng các đề án minh bạch hóa cho từng ngành hàng, thị trường trọng điểm của nước ta như da giày, dệt may, ... hoặc các thị trường xuất khẩu chủ đạo. Ngoài ra, Việt Nam cần có những nghiên cứu nền tảng (RIA) để làm căn cứ cho việc xây dựng định hướng nâng cao cơ chế công khai, minh bạch hóa các rào cản kỹ thuật tập trung cụ thể theo từng mặt hàng hay từng quốc gia đối tác trọng điểm. Ngoài ra, cần tổ chức cách thức, cơ chế hoạt động mới cho Mạng lưới TBT Việt Nam và có cơ chế quy định rõ vai trò, trách nhiệm, phương thức phối kết hợp của các Điểm TBT nhằm giúp cho hoạt động của Mạng lưới TBT được nhanh gọn và dễ dàng hơn.

4. Kết luận

Các vấn đề về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp không phải là vấn đề mới với các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam trong việc đáp ứng các quy định của Hiệp định thương mại tự do. Việc rà soát khoảng

trống về ban hành và thực thi chính sách của Việt Nam liên quan đến các quy định trên cho thấy, không có khoảng trống rõ rệt giữa các quy định của Việt Nam với các cam kết khung của hai Hiệp định CPTPP và EVFTA, nhưng phân tích khoảng trống thực thi cho thấy việc thực hiện bốn vấn đề về: (i) Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật; (ii) Thông tin về các biện pháp/rào cản kỹ thuật; (iii) Đánh giá sự phù hợp tạo thuận lợi thương mại; và (iv) Minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đánh giá sự phù hợp còn mang tính hình thức và chưa thực sự đủ mạnh như các cam kết đề ra trong hai Hiệp định. Các giải pháp đề xuất bước đầu có thể tổng hợp thành các giải pháp chính như sau: (i) Tăng cường xã hội hóa tiêu chuẩn với việc tăng cường nhận thức và sự tham gia sâu của doanh nghiệp; (ii) Văn phòng TBT và Mạng lưới TBT cần chủ động hơn trong việc thông tin các biện pháp rào cản kỹ thuật và kịp thời phản ảnh quan ngại về các biện pháp này (nếu có) với WTO; (iii) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải tăng cường năng lực kỹ thuật để có thể tham gia nhiều hơn nữa vào các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau ở phạm vi khu vực và quốc tế; (iv) cần tổ chức đánh giá hiệu quả thực thi và tác động chính sách để các bên liên quan thấy rõ các việc làm được và chưa làm được, cũng như nguyên nhân kèm theo để các giải pháp trở nên đầy đủ và thực tiễn hơn. Vì hai Hiệp định CPTPP và EVFTA mới có hiệu lực trong thời gian ngắn gần đây nên trong tương lai, để có các giải pháp sâu sắc hơn, Bộ Khoa học và Công nghệ cần tham vấn thực chất với các bên chịu tác động trong xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, tiến hành đánh giá tác động, phân tích chi phí lợi ích và nguy cơ rủi ro một cách khoa học và bài bản trước khi ban hành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018.
3. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
4. Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
5. Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.
6. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên thái bình dương (CPTPP).
7. Quyết định số 1202/QĐ-TTg/2020 ngày 06/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA).
8. Thông tư số 09/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

9. Thông tư số 08/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
10. Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN ngày 29/11/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động, phối hợp trong mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại;
11. Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.
12. Thông tư số 13/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp.
13. Thông tư số 12/VBHN-BKHCN ngày 27/02/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.
14. Thông tư số 05/VBHN-BKHCN ngày 28/08/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
15. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Bản dịch của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI (TTWTO).
16. Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Bản dịch của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI (TTWTO).
17. Lê Quốc Bảo (2018). “Bản về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và một số công việc để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật”, *Tạp chí Công thương online*, ngày 25/01/2018, <<http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-va-mot-so-cong-viec-de-han-che-anh-huong-tieu-cuc-cua-hang-rao-ky-thuat-52099.htm>>.
18. Nguyễn Bích Thủy, (2020). “Rào cản phi thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam”. *Tạp chí Mặt trận online*, ngày 13/06/2020, <<http://tapchimattran.vn/kinh-te/rao-can-phi-thue-quan-doi-voi-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-35721.html>>
19. Anh Thư, (2020). “Khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia”. *Tạp chí Tài chính online*, ngày 18/06/2020, <<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/khuyen-khich-doanh-nghiep-tham-gia-xay-dung-he-thong-tieu-chuan-quooc-gia-324784.html>>.
20. Tôn Nữ Thục Uyên. (2020). Cam kết TBT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. Website của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, ngày 07/10/2020 (<https://tcvn.gov.vn/2020/10/cam-ket-tbt-trong-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-ma-viet-nam-la-thanh-vien/>).
21. Maliszewska, Maryla; Olekseyuk, Zoryana; Osorio-Rodarte, (2018). “Economic and distributional impacts of comprehensive and progressive agreement for trans-pacific partnership: the case of Vietnam” (English, Vietnamese). Washington, D.C.: World Bank Group.
22. Maskus, K. E., Otsuki, T., & Wilson, J. S. (2005). *The cost of compliance with product standards for firms in developing countries: An econometric study*. The World Bank.
23. Miotti, H. (2009). *The economic impact of standardization technological change. Standards growth in France*.
24. Wilson, J. S., & Otsuki, T. (2003). “Food safety and trade: winners and losers in a non-harmonized world”. *Journal of Economic Integration*, 266-287.
25. World Bank. (2020). *Vietnam: Deepening International Integration and Implementing the EVFTA*.